

Bản án số: 398/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2017

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Nhựt Thảo

2/- Ông Trần Thành Hiệp

- T ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Mỹ C**, sinh năm: 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ N, ấp V, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn B**, sinh năm: 1972 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ N, ấp V, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ C trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào năm 2000, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thiếu sự quan tâm đến vợ con, không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, vợ chồng Thường xảy ra cự cãi với nhau không còn hạnh phúc, trước đây chị có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B nhưng vì con nên chị xin rút lại đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng từ khi rút lại đơn khởi kiện vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, không có khả năng đoàn tụ và hiện nay chị đã có gia đình khác và có con riêng.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 27/5/2001 và Trần Thị Anh T1, sinh ngày 21/8/2004. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Văn B: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn B là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn B.

Về hôn nhân: Chị C, anh B kết hôn vào năm 2000, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị C và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C trình bày là do anh B thiếu sự quan tâm đến vợ con, không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, vợ chồng Thường xảy ra cự cãi với nhau không còn hạnh phúc, trước đây chị có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B nhưng vì con nên chị xin rút lại đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng từ khi rút lại đơn khởi kiện vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, không có khả năng đoàn tụ và hiện nay chị đã có gia đình khác và có con riêng. Về phía anh B qua 2 lần Tòa án mời đến để hòa giải, nhưng phía anh B đều vắng mặt không có lý do và cũng

không cung cấp lời khai. Xét thấy, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm, hiện nay hai bên đều có cuộc sống riêng, qua xác minh mâu thuẫn hiện nay chị C đã có gia đình khác, khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là hoàn toàn phù hợp.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 27/5/2001 và Trần Thị Anh T1, sinh ngày 21/8/2004, hiện cháu T và cháu T1 đang sống với chị C về cuộc sống vật chất lẫn tinh thần đã tạm ổn định và tại các tờ tự khai cùng ngày 20/10/2017 cháu T và cháu T1 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó sau khi ly hôn nghĩ nên để chị C được tiếp tục nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 chị Phạm Thị Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Mỹ C.

Chị Phạm Thị Mỹ C được ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Mỹ C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu [Trần Thị Anh T, sinh ngày 27/5/2001 và Trần Thị Anh T1, sinh ngày 21/8/2004](#). Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh B, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000906 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Chị Phạm Thị Mỹ C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/12/2017). Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa